

Bản án số: 332/2022/HS-ST

Ngày: 10-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung – Giáo viên hưu trí;
2. Ông Từ Anh Tuấn – Giám đốc Trung tâm GDNN GDTT thành phố Dĩ An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 10 tháng 11 năm 2022 tại Hội trường A Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 277/2022/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2022/QĐXXST-HS ngày 19/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Võ Xuân P, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Phước; thường trú: Ấp D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Võ Xuân T1, sinh năm 1958 và con bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Trần Thị H, sinh năm 1987; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022, có mặt.

2. Lê Thành H1 (tên gọi khác P3), sinh năm 2001 tại tỉnh Sóc Trăng; thường trú: Ấp V, xã N, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê Thành V1, sinh năm 1981 và con bà Ngô Thị N2, sinh năm 1982; bị cáo có 03 em ruột, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: Không, tiền án: Ngày 18/02/2020 Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 11 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án hình sự số 35/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2020, đã đóng án phí, bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022, có mặt.

3. Trần Thị Hoài T3, sinh năm 2001 tại tỉnh Đồng Tháp; thường trú: Khóm A, phường L3, thành phố H3, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học

vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần Đình X, sinh năm 1970 và con bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1975; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022, có mặt.

4. Huỳnh Văn N4, sinh năm 2001 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Tổ 2, ấp S, xã B, huyện L5, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; giới tính: Nam; con ông Huỳnh Văn M (đã chết) và con bà Phạm Thị H5, sinh năm 1984; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022, có mặt.

5. Võ Thị Ngọc H6, sinh ngày 01/12/2004 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp 3, xã Q3, huyện P4, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa hảo; giới tính: Nữ; con ông Võ Đắc K1, sinh năm 1982 và con bà Dương Thị L5, sinh năm 1982; có 01 con, sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc H6:* Ông Nguyễn Bảo Đ4– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Thị Ngọc H6:* Ông Võ Đắc K1, sinh năm 1982 và bà Dương Thị L5, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Q3, huyện P4, tỉnh An Giang, là cha, mẹ ruột, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị Kim H8, sinh năm 1984; địa chỉ: 157B/10 Dương Bá Tr9, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Hoài H9, sinh năm 1998, vắng mặt;
2. Hồ Chí E, sinh năm 1993, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Xuân P và Lê Thành H1 là bạn bè quen biết ngoài xã hội, cả hai là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, P1 đã nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho người khác. P rủ Hóa cùng thực hiện đồng thời bàn bạc với H1 chọn phòng trọ của Hóa tại số 214/12, tổ 29 khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương làm địa điểm bán ma túy.

Ngày 27/3/2022 P1 liên lạc với một người đàn ông tên C4 (không rõ lai lịch) tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy loại methamphetamine và 10 nỏ thủy tinh với giá 7.000.000 đồng. Sau khi có ma túy, P1 đã chia nhỏ thành nhiều túi ma túy và giao 01 túi ma túy cho Lê Thành H1 mang về cất giấu trong phòng trọ của H1 để khi có ai hỏi mua thì bán. Số ma túy còn lại và 10 nỏ thủy tinh P1 cất giấu tại phòng trọ của P ở địa chỉ 79D/3, Tổ 3, khu phố 2, phường A6, thành phố A7, tỉnh Bình Dương.

Ngày 30/3/2022, P đến phòng trọ của H1 để bán ma túy. Tại đây có 1 người phụ nữ tên T9 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) liên lạc với P hỏi mua 1.200.000 đồng

ma túy methamphetamine và nói P gửi vị trí để có người đến nhận ma túy thì P đồng ý. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày Huỳnh Văn N4 điều khiển xe mô tô biển số 68K1-323.76 chở phía sau Võ Thị Ngọc H6 đến số 214/12, tổ 29 khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương để lấy ma túy. P kêu H1 mang ma túy ra giao cho H6 và N4. Sau khi nhận được ma túy thì N4 chở H6 về, khi đi đến đoạn đường Nguyễn Thị Khấp, tổ 29, khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương thì gặp lực lượng tuần tra của công an phường Đ5. Thấy vậy, H6 đã thả gói ma túy xuống đường nhưng bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang thu giữ 01 gói nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng. Đến 15 giờ 20 phút ngày 30/3/2022, lực lượng tuần tra của công an phường Đ4 đi đến đoạn đường trước cổng công ty Thăng Long, đường Nguyễn Thị Khấp, tổ 29 khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Lê Thành H1 đang điều khiển xe mô tô biển số 59G1-246.41 nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong hộp chứa đồ phía trước xe mô tô có 02 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng, H1 khai nhận đang trên đường đi giao ma túy cho đối tượng tên Tiến thì bị lực lượng công an kiểm tra bắt quả tang người cùng tang vật.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H1 tại 214/12, tổ 29 khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương, tại thời điểm khám xét có Võ Xuân P và Trần Thị Hoài T3. Quá trình khám xét thu giữ gồm: 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 02 kéo nhỏ bằng kim loại được đựng trong hộp kính màu đen; 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trong 01 túi đeo màu xám; 02 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng để trong 01 hộp nhựa màu trắng trong 01 túi nylon màu xanh, tất cả được treo trên móc tại cửa ra vào. Số ma túy này P mua của một người đàn ông tên C4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy, P đem về chia ra và đưa cho H1 đem về phòng trọ của H1 để bán cho người khác.

Ngoài ra, khi tiến hành khám xét còn phát hiện và thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa 02 túi nylon miệng kéo dính nhỏ trong đó có 01 túi chứa 11 viên nén màu xám và 01 túi chứa 16 viên nén màu xám được cất giấu trong lỗ thanh sắt của chân cầu thang là ma túy của P, P đưa cho H1 và T3 nhờ cất giữ. T3 là người trực tiếp bỏ vào thanh sắt lỗ cầu thang, mục đích cất giữ là để sử dụng. Đối với 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng để trong 1 hộp T9 sức màu đỏ trên chiếc quạt thu giữ trong phòng trọ của H1 và T3 là của T3, số ma túy này do P cho T3 nhằm mục đích sử dụng.

Quá trình khám xét tại số nhà 79D/3, tổ 3, khu phố 2, phường A6, thành phố A7, tỉnh Bình Dương của Võ Xuân P thu giữ gồm: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng để trong chiếc quần jean treo trong phòng; 01 cân tiểu ly, 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 10 nỏ thủy tinh. Số ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy P khai nhận là của P mua của đối tượng tên C6, mục đích để sử dụng dần, không bán.

Tại bản kết luận giám định số 176/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận số tang vật thu giữ khi bắt

người phạm tội quả tang đối với bị cáo Huỳnh Văn N4 và Võ Thị Ngọc H6 như sau: Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 bịch nylon miệng kéo dính có khối lượng 2,4737 gam là ma túy, loại methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 177/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận số tang vật thu giữ khi bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo Lê Thành H1 như sau: Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 gói nylon hàn kín có khối lượng 0,3304 gam là ma túy, loại methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 174/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận số tang vật thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo Lê Thành H1 như sau: Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 gói nylon hàn kín (M1) có khối lượng 0,2846 gam là ma túy, loại methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon miệng kéo dính (M2) có khối lượng 0,2242 gam là ma túy, loại methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 gói nylon miệng kéo dính (M3) có khối lượng 3,7513 gam là ma túy, loại methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 173/KL-KTHS ngày 06/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận số tang vật thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo Lê Thành H1 như sau: Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 túi nylon miệng kéo dính (M1) (P1 cho Thu) có khối lượng 0,0624 gam là ma túy, loại methamphetamine; Mẫu 27 viên nén màu xám (M2) có khối lượng 11,5591 gam, do mẫu pha trộn nhiều loại nên có phương pháp thể hiện đặc trưng chưa rõ ràng, để tránh sai sót phòng PC09 đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương chuyển toàn bộ mẫu vật còn lại đến phân viện khoa học hình sự C09B- Bộ công an để giám định. Tại kết luận số 2198/KL-KTHS ngày 27/4/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận số viên nén màu xám gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, Ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 175/KL-KTHS ngày 08/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bình Dương kết luận số tang vật thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo Võ Xuân P như sau: Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon hàn kín (M1) có khối lượng 1,2105 gam là ma túy, loại methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng trong 01 túi nylon miệng kéo dính (M2) có khối lượng 18,6226 gam là ma túy, loại methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì Kết luận giám định số: 173 ngày 06/4/2022 và các kết luận giám định số 174, 175, 176, 177 ngày 08/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Đối với đối tượng tên C4 bán ma túy cho P và đối tượng tên T9 (N9), Tiến mua ma túy của P1 hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Cáo trạng 308/CT – VKS ngày 07 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo:

+ Võ Xuân P về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

+ Lê Thành H1 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và Tội mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

+ Trần Thị Hoài T3 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

+ Huỳnh Văn N4 và Võ Thị Ngọc H6 bị truy tố về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm h khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Xuân P từ 10 năm đến 11 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Điểm điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Xuân P từ 08 năm đến 09 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy.

+ Điểm b khoản 1 Điều 254, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Xuân P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Võ Xuân P chấp hành hình phạt chung của ba tội từ 19 năm đến 21 năm 6 tháng tù.

+ Điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành H1 từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành H1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành H1 chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng tù.

+ Điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Hoài T3 từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N4 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc H6 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ còn lại sau giám định; 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 03 sim số; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, ống hút nhựa, nỏ thủy tinh); 10 nỏ thủy tinh là vật cấm lưu thông, công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 68K1-323.76; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 59G11-246.41; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ, 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh, 01 điện thoại di động Sam Sung màu đen vì đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc H6 là ông Nguyễn Bảo Đ4 trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về việc xét xử, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H6. Ngoài ra, bị cáo H6 sinh ra trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên phải rời xa quê hương cùng gia đình lên Bình Dương lập nghiệp, bị cáo nghỉ học từ nhỏ nên chưa nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo bị bạn bè rủ rê, lôi kéo sử dụng ma túy. Mục đích của bị cáo Tàng trữ ma túy là để sử dụng, không phải vì mua bán để kiếm lời. Quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 và các Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, xét xử cho bị cáo H6 mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo H6 không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa đưa ra đối với bị cáo H6. Đối với đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, còn mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và xử lý vật chứng, đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định:

[2.1] Ngày 30/3/2022 Võ Xuân P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 31,4546 gam loại methamphetamine, Ketamine nhằm mục đích sử dụng. Cùng ngày, P bán cho N1 và H6 01 gói ma túy, bán cho Tiến 02 gói ma túy, ma túy P tàng trữ để bán có khối lượng 7,0642 gam loại methamphetamine. Ngoài ra P1 còn có hành vi tàng trữ trái phép dụng cụ sử dụng ma túy gồm 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 10 nỏ thủy tinh. Như vậy, các hành vi trên của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và Tội tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định điểm b khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngày 30/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét phòng trọ tại địa chỉ 214/12, tổ 29, khu phố L7, phường Đ4, thành phố A1, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Lê Thành H1 và Trần Thị Hoài T3 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 11,6215 gam loại methamphetamine, Ketamine nhằm mục đích sử dụng. Đồng thời, khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày trước cổng công ty Thăng Long, đường Nguyễn Thị Khấp, tổ 29, khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương lực lượng tuần tra Công an phường Đ5 tiến hành kiểm tra xe mô tô biển số 59G1-24641 do Lê Thành H1 điều khiển thì phát hiện trong hộc chứa đồ phía trước xe có 02 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng. Quá trình điều tra H1 khai nhận đang trên đường đi giao 02 gói ma túy cho Tiến, cùng ngày H1 bán cho N4 và Hân 01 gói ma túy, ma túy H1 tàng trữ để bán có khối lượng 7,0642 gam loại methamphetamine. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Lê Thành H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của Trần Thị Hoài T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/3/2022, Huỳnh Văn N4 điều khiển xe mô tô chở Võ Thị Ngọc H6 đến đoạn đường Nguyễn Thị Khấp, tổ 29 khu phố L7, phường Đ5, thành phố A1, tỉnh Bình Dương bị lực lượng tuần tra Công an phường Đ5 tiến hành kiểm tra và phát hiện N4 và H6 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng 2,4737 gam, loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo

N4 và bị cáo H6 đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Do đó, Cáo trạng số: 308/CT – VKS ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo P, H1, T3, N4, H6 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo P, bị cáo T3, bị cáo N4 và bị cáo H6 không có.

- Bị cáo H1 chưa được xóa án tích tại bản án hình sự số 35/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo H1 có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội. Các bị cáo P, T3, N4, H6 là người nghiện ma túy. Do đó cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo N4 và H6 phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 05 năm tù. Các bị cáo P, H1, H6 phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do có khung hình phạt 10 năm tù đến 15 năm tù, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Nhất là trong tình hình hiện nay hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” diễn ra nhiều phức tạp, mặc dù Đảng, Nhà nước và toàn xã hội ra sức tuyên truyền cho mọi người hiểu biết về tác hại của ma túy và ra sức phòng chống. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[8] Đối với bị cáo H6 khi thực hiện hành vi phạm tội độ tuổi của bị cáo trên 16 tuổi dưới 18 tuổi, khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng chương XII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để xem xét mức hình phạt đối với bị cáo H6.

[9] Bị cáo H6 rủ bị cáo N4 tàng trữ ma túy, nên là đồng phạm với nhau về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo P rủ bị cáo H1 mua bán ma túy, nên là đồng phạm về tội mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo P rủ bị cáo H1 và T3 tàng trữ trái phép chất ma túy, nên là đồng phạm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tuy nhiên, đây là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể trong việc thực hiện tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án để có mức hình phạt phù hợp.

[10] Xử lý vật chứng:

- Xét, 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 03 sim số; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, ống hút nhựa, nỏ thủy tinh); 10 nỏ thủy tinh đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Xét, 05 bì thư được niêm P1 bên trong chứa ma túy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: Phong bì ghi số 173/MT-PC09 chứa 0,0268 gam, loại Methamphetamine và 7,6894 gam loại Methamphetamine, Ketamine; P1 bì ghi số 174/MT-PC09 chứa M1= 0,1890 gam, M2= 0,1259gam, M3= 3,4534 gam loại Methamphetamine; Phong bì ghi số 175/MT-PC09 chứa M1= 1,1122 gam loại Ketamine, M2= 18,1677gam loại Methamphetamine; Phong bì ghi số 176/MT-PC09 chứa 2,3716 gam loại Methamphetamine; Phong bì ghi số 177/MT-PC09 chứa 0,2910 gam loại Methamphetamine là vật cấm lưu thông nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Xét, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 68K1-323.76, số khung MH1KF411XKK853206, số máy KF41E1855701; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 59G1-246.41, số khung RLCL44S10BY062828, số máy 44S1062827; 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[11] Đối với người đàn ông tên C4 bán ma túy cho P và đối tượng tên T9, Tiến mua ma túy của P hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với người tên T9 (N9) nhờ H6 đi lấy ma túy, hiện chưa rõ nhân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau là đúng theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với quan điểm người bào chữa cho bị cáo H6 đưa ra là phù hợp 01 phần về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và việc áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Đối với việc quan điểm bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Xét, đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Xuân P về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Tội mua bán trái phép chất ma túy; Tội tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

1.1 Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và **Điều 58** Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Xuân P 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

1.2 Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và **Điều 58** Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Xuân P 09 (chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 254, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Xuân P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

1.4 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Võ Xuân P chấp hành hình phạt chung của ba tội là 21 (hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thành H1 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; Tội mua bán trái phép chất ma túy.

2.1 Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và **Điều 58** Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành H1 07 (bảy) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

2.2 Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và **Điều 58** Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thành H1 08 (tám) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

2.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Lê Thành H1 chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

3. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Hoài T3, Huỳnh Văn N4, Võ Thị Ngọc H6 về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

3.1 Áp dụng điểm n khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Hoài T3 06 (sáu) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

3.2 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N4 02 (hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2022.

3.2 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 90, 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc H6 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 115/2022/HSST-LCĐKNCT ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến khi bị cáo Võ Thị Ngọc H6 đi chấp hành hình phạt tù.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 01 cân tiểu ly; 03 sim số; 03 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (chai nhựa, ống hút nhựa, nỏ thủy tinh); 10 nỏ thủy tinh và 05 bì thư được niêm phong bên trong chứa ma túy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm:

+ Phong bì ghi số 173/MT-PC09 chứa 0,0268 gam, loại Methamphetamine và 7,6894 gam loại Methamphetamine, Ketamine.

+ Phong bì ghi số 174/MT-PC09 chứa M1= 0,1890 gam, M2= 0,1259gam, M3= 3,4534 gam loại Methamphetamine.

+ Phong bì ghi số 175/MT-PC09 chứa M1= 1,1122 gam loại Ketamine, M2= 18,1677gam loại Methamphetamine.

+ Phong bì ghi số 176/MT-PC09 chứa 2,3716 gam loại Methamphetamine.

+ Phong bì ghi số 177/MT-PC09 chứa 0,2910 gam loại Methamphetamine.

- Tịch thu Ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 68K1-323.76, số khung MH1KF411XKK853206, số máy KF41E1855701; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 59G1-246.41, số khung RLCL44S10BY062828, số máy 44S1062827; 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Xuân P, Lê Thành H1, Trần Thị Hoài T3, Huỳnh Văn N4, Võ Thị Ngọc H6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương